

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: (3 điểm)****Câu 1.** Đọc phân số sau $\frac{-7}{-13}$

A. Âm bảy phần mười ba

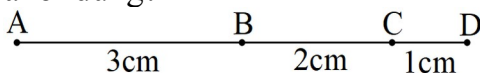
B. Bảy phần âm mười ba

C. Âm bảy phần âm mười ba

D. Bảy phần mười ba

Câu 2. Cách viết nào dưới được viết dưới dạng phân số:

A. 0

B. $\frac{-8}{4,5}$ C. $\frac{5}{0}$ D. $\frac{1,2}{1}$ **Câu 3.** Kết quả của phép tính $\frac{-11}{12} + \frac{7}{12} + \frac{5}{12}$ là:A. $\frac{5}{4}$ B. $\frac{-1}{12}$ C. $\frac{1}{12}$ D. $\frac{2}{3}$ **Câu 4.** Cho bốn điểm A, B, C, D thẳng hàng (như hình vẽ) với $AB = 3\text{ cm}$, $BC = 2\text{ cm}$ và $CD = 1\text{ cm}$. Chọn câu trả lời đúng?

A. Điểm B nằm giữa hai điểm C và D

B. $AC = 6\text{ cm}$

C. Điểm C và D nằm khác phía so với điểm B

D. B là trung điểm của đoạn thẳng AD

Câu 5. Tung đồng xu 20 lần liên tiếp, có 5 lần xuất hiện mặt sấp (S). Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt ngửa (N) là bao nhiêu ?A. $\frac{1}{4}$ B. $\frac{15}{20}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{5}{15}$ **Câu 6.** Cho điểm A ta vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua điểm A?

A. Vô số

B. 2.

C. 1

D. 0.

Câu 7. Nếu M là trung điểm của $AB = 10\text{ cm}$ thì độ dài MA, MB là:A. 2 cm .B. $2,5\text{ cm}$.C. 5 cm .D. $2,2\text{ cm}$.**Câu 8.** Chiều cao của 30 bạn học sinh lớp 6C (đơn vị cm) được ghi lại như sau:

Chiều cao	145	148	150	153	156	158	160
Số học sinh	2	3	5	8	7	4	1

Số bạn có chiều cao từ 150 cm chiếm tỉ lệ bao nhiêu phần trăm so với cả lớp?

A. 16,7%.

B. 33,3%.

C. 66,7%.

D. 83,3%.

Câu 9. Phân số $\frac{37}{5}$ được viết dưới dạng hỗn số là:A. $7\frac{1}{5}$ B. $7\frac{2}{5}$ C. $-3\frac{22}{5}$ D. $7\frac{-2}{5}$ **Câu 10.** Ta có $1.(-30) = 5.(-6)$ thì:

A. $\frac{-1}{6} = \frac{30}{-5}$

B. $\frac{-1}{6} = \frac{5}{30}$

C. $\frac{1}{5} = \frac{-6}{-30}$

D. $\frac{1}{6} = \frac{-5}{30}$

Câu 11. Kết quả của phép tính $\frac{-4}{7} : (-3)$ được kết quả là:

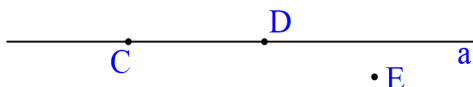
A. $\frac{-12}{7}$

B. $\frac{-4}{21}$

C. $\frac{-4}{21}$

D. $\frac{4}{21}$

Câu 12: Quan sát hình bên, khẳng định nào sau đây *sai*:



A. Điểm C thuộc đường thẳng a.

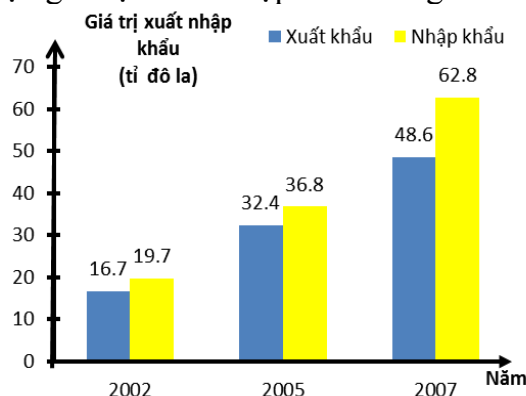
B. Điểm D thuộc đường thẳng a.

C. Điểm E không thuộc đường thẳng a.

D. Ba điểm C, D, E thẳng hàng.

II. Trắc nghiệm đúng sai: 4 câu (Mỗi câu 4 ý) – (2 điểm) Thí sinh trả lời câu 1 đến câu Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu thí sinh chọn *đúng* hoặc *sai*.

Câu 1: Biểu đồ thể hiện giá trị xuất - nhập khẩu hàng hóa Việt Nam giai đoạn 2002 – 2007 như sau:



a) Năm 2007 giá trị xuất khẩu là 48,6 tỷ đô la Mỹ.

b) Giá trị nhập khẩu năm 2005 là thấp nhất trong giai đoạn năm 2002-2007

c) 36,4 tỷ đô la Mỹ là giá trị xuất – nhập khẩu của năm 2005

d) Tỷ số phần trăm của xuất nhập khẩu năm 2005 so với giai đoạn 2002-2007 là 31,9% (Lấy đến chữ số thập phân thứ nhất)

Câu 2: Cho 2 phân số sau: $\frac{27}{5}$ và $\frac{7}{35}$

a) Phân số $\frac{27}{5}$ là phân số tối giản.

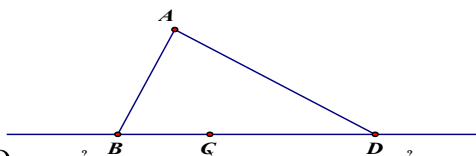
b) Tích của hai phân số $\frac{27}{5} \cdot \frac{7}{35}$ là $\frac{27}{25}$

c) Phân số $\frac{27}{5} < \frac{7}{35}$

d) Ta có: $\frac{7}{35} = \frac{7 : (-7)}{35 : (-7)} = \frac{-1}{5}$

III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: 4 câu – 2 điểm

Câu 1: Cho hình vẽ sau và cho biết:



Điểm nào không thuộc đường thẳng BD? Điểm nào nằm giữa hai điểm B, D?

Câu 2: Một hộp có 3 viên bi. Một viên màu cam, một viên màu hồng, một viên màu đỏ, các viên bi có khối lượng và kích thước như nhau. Lấy ngẫu nhiên 1 viên bi trong hộp. Nêu những kết quả xảy ra đối với màu của viên bi?

Câu 3: Vẽ hình theo diễn đạt sau: Vẽ đường thẳng a cắt đường thẳng b điểm M. Vẽ đường thẳng d song song với đường thẳng a mà không đi qua điểm M

Câu 4: Một đĩa cam có 2^4 quả. Nam đã ăn $\frac{1}{4}$ số quả cam trên đĩa. Hỏi trên đĩa còn lại bao nhiêu quả cam?

PHẦN II: TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm) Gieo 1 con xúc xắc đồng nhất gieo 10 lần như thế ta thu được kết quả ở bảng sau:

Lần gieo	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Mặt xuất hiện	Mặt 3 chấm	Mặt 5 chấm	Mặt 1 chấm	Mặt 6 chấm	Mặt 4 chấm	Mặt 5 chấm	Mặt 3 chấm	Mặt 2 chấm	Mặt 4 chấm	Mặt 3 chấm

a) Số lần xuất hiện mặt có số chấm là số chia hết cho 3.

b) Tính xác suất xuất hiện mặt có số chấm là số lẻ chẵn.

Câu 2: (0,5 điểm)

Thực hiện phép tính sau:

a) $\frac{19}{21} + \frac{2}{3}$

b) $\frac{12}{17} - \frac{3}{8} : \frac{7}{16} + \frac{5}{17}$

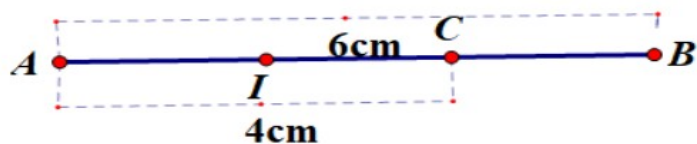
Câu 3: (1 điểm)

Tìm x biết: a) $x + \frac{1}{3} = \frac{2}{5}$

b) $x - \frac{1}{1.2} - \frac{1}{2.3} - \frac{1}{3.4} - \dots - \frac{1}{98.99} = \frac{1}{100} + \frac{1}{99.100}$

Câu 4: (1 điểm)

Cho hình vẽ có AB = 6 cm. Lấy điểm C thuộc đoạn thẳng AB sao cho AC = 4 cm. Lấy điểm I nằm giữa A và C sao cho C là trung điểm của đoạn thẳng BI.



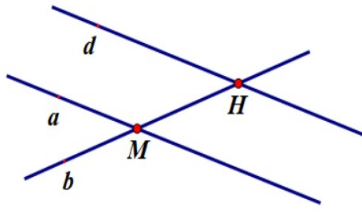
a) Tính IC và IB.

b) Chứng minh I là trung điểm của đoạn thẳng AC.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Hướng dẫn chấm												Điểm
TRẮC NGHIỆM	Trắc nghiệm có nhiều lựa chọn: (Mỗi câu 0,25 điểm)												3,0đ
	Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Đáp án	C	B	C	D	B	A	C	D	B	C	D	D
	Trắc nghiệm “Đúng - Sai” (Mỗi ý 0,25đ)												
	Câu	1					2						

	Ý	a	b	c	d	a	b	c	d	2,0đ	
	Đáp án	Đ	S	S	Đ	Đ	Đ	S	S		
	Trắc nghiệm trả lời ngắn (Mỗi câu 0,5đ)										
	Câu	Đáp án									
	1	Điểm A thuộc đường thẳng BD . Điểm C nằm giữa hai điểm B và D									
2	Màu cam, màu hồng, màu đỏ									2,0đ	
3											
4	Trên đĩa còn lại số quả cam là: $24 \cdot \frac{4}{3} = 6 \text{ quả}$										
TỰ LUẬN Câu 1	a, 4 lần b, Số lần xuất hiện mặt chẵn chấm là: 4 lần Xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt lẻ chấm là: $\frac{4}{10} = \frac{2}{5}$									0,25đ 0,25đ	
Câu 2	a, $\frac{19}{21} + \frac{2}{3} = \frac{19}{21} + \frac{2 \cdot 7}{3 \cdot 7} = \frac{19}{21} + \frac{14}{21} = \frac{33}{21} = \frac{11}{7}$ b, $\frac{12}{17} - \frac{3}{8} : \frac{7}{16} + \frac{5}{17}$ $= (\frac{12}{17} + \frac{5}{17}) - \frac{3}{8} : \frac{7}{16}$ $= 1 - \frac{3}{8} \cdot \frac{16}{7}$ $= 1 - \frac{6}{7}$ $= \frac{1}{7}$									0,25đ 0,25đ	
Câu 3	a, $x + \frac{1}{3} = \frac{2}{5}$ $x = \frac{2}{5} - \frac{1}{3}$ $x = \frac{6}{15} - \frac{5}{15}$ $x = \frac{1}{15}$ b, $x - \frac{1}{1 \cdot 2} - \frac{1}{2 \cdot 3} - \frac{1}{3 \cdot 4} - \dots - \frac{1}{98 \cdot 99} = \frac{1}{100} + \frac{1}{99 \cdot 100}$ $x - \left(1 - \frac{1}{2}\right) - \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{3}\right) - \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{4}\right) - \dots - \left(\frac{1}{98} - \frac{1}{99}\right) = \frac{1}{100} + \left(\frac{1}{99} - \frac{1}{100}\right)$									0,5đ 0,25đ	

	$x-1-\left(\frac{-1}{2}\right)-\frac{1}{2}-\left(\frac{-1}{3}\right)-\frac{1}{3}-\left(\frac{-1}{4}\right)-\dots-\frac{1}{98}-\left(\frac{-1}{99}\right)=\frac{1}{100}+\frac{1}{99}-\frac{1}{100}$ $x-1+\frac{1}{2}-\frac{1}{2}+\frac{1}{3}-\frac{1}{3}+\frac{1}{4}-\dots-\frac{1}{98}+\frac{1}{99}=\frac{1}{99}$ $x-1+\frac{1}{99}=\frac{1}{99}$ $x-1=\frac{1}{99}-\frac{1}{99}=0$ $x-1=0$ $x=1$	0,25đ
Câu 4	<p>a, Ta có : $CB = AB - AC$ $= 6\text{cm} - 4\text{cm} = 2\text{cm}$ Mà C là trung điểm của BI nên $CB = CI = 2\text{cm}$ và $IB = 2CB = 2 \cdot 2\text{cm} = 4\text{cm}$</p> <p>b, Ta có: $AI = AB - IB = 6\text{cm} - 4\text{cm} = 2\text{cm}$ Suy ra $AI = IC = 2\text{cm}$ (1) Mặt khác: I là điểm nằm giữa hai điểm A và C (2) Từ (1) và (2) suy ra I là trung điểm của AC</p>	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ

Chú ý: Các cách làm khác nếu đúng vẫn đạt điểm tối đa, điểm thành phần giám khảo tự phân chia trên cơ sở điểm thành phần của đáp án.

ĐỀ 2	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6
-------------	---

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (7,0 điểm)

1/ Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3,0 điểm)

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào *không phải* là phân số?

- A. $\frac{1}{7}$. B. $\frac{-5}{3}$. C. $\frac{7}{1,5}$. D. $\frac{0}{-3}$.

Câu 2. Hai phân số $\frac{a}{b}$ và $\frac{c}{d}$ bằng nhau nếu thỏa mãn điều kiện nào sau đây?

- A. $a-b = c-d$ B. $a.c = b.d$ C. $a.d = b.c$ D. $a.b = c.d$

Câu 3. Kết quả phép tính $(0,147 + 8,853):3$

- A. -3 B. 3 C. -17,148 D. 17,148

Câu 4. Điểm M không thuộc đường thẳng d được kí hiệu ?

- A. $d \in M$. B. $d \notin M$. C. $M \in d$. D. $M \notin d$.

Câu 5. Phân số đối của phân số $\frac{-25}{13}$ là?

- A. $\frac{25}{-13}$ B. $\frac{-25}{13}$ C. $\frac{25}{13}$ D. $\frac{13}{-25}$

Câu 6. Hỗn số $4\frac{7}{9}$ được viết dưới dạng phân số ?

- A. $\frac{43}{9}$ B. $\frac{37}{9}$ C. $\frac{36}{9}$ D. $\frac{56}{9}$

Câu 7. $\frac{2}{5}$ của 45 bằng:

- A. $\frac{225}{2}$ B. 9 C. 18 D. 27

Câu 8. Tỷ số phần trăm của 3^3 và 4 là

- A. 25% B. 50% C. 75% D. 15%

Câu 9. Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định các khẳng định sau đây?



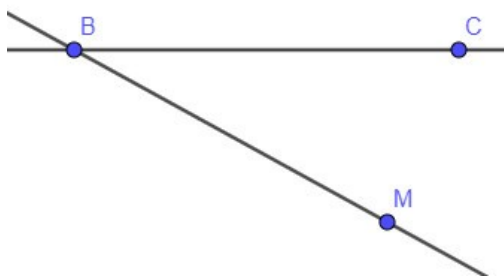
đúng trong

- A. Ba điểm M, N, P không thẳng hàng
 B. Điểm M và điểm N nằm cùng phía đối với điểm P.
 C. Hai điểm M và P nằm khác phía đối với điểm N.
 D. Điểm P nằm giữa 2 điểm M và N.

Câu 10. Làm tròn số 12,354 đến hàng phần trăm ta được kết quả là:

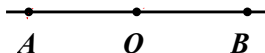
- A. 12,4 B. 12,3 C. 12,36 D. 12,35

Câu 11. Dựa vào hình vẽ, hãy chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau?



- A. Hai đường thẳng BM và BC song song với nhau.
 B. Hai đường thẳng BM và BC có ba điểm chung
 C. Hai đường thẳng BM và BC không có điểm chung.
 D. Hai đường thẳng BM và BC cắt nhau tại B

Câu 12. Trong hình vẽ. Chọn khẳng định đúng



- A. Hai tia OA và OB đối nhau
 B. Hai tia AO và OB đối nhau
 C. Hai tia OA và BO đối nhau
 D. Hai tia BA và OB đối nhau

2/ Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Một đám đất hình chữ nhật có chiều rộng 60m, chiều dài bằng $\frac{4}{3}$ chiều rộng. Người ta để $\frac{7}{12}$ diện tích đám đất đó trồng cây, 30% diện tích còn lại đó để đào ao thả cá.

- a) Chiều dài của mảnh đất là 80m
 b) Diện tích mảnh đất bằng 4800 m²
 c) Diện tích đất trồng cây là 280 m²
 d) Diện tích đất còn lại sau khi trồng cây và đào ao là 1400 m²

Câu 14. Cho điểm A thuộc tia Ox sao cho OA = 5 cm. Trên tia Ox lấy điểm B sao cho OB = 10 cm a)
 Điểm B nằm giữa hai điểm O và A

- b) Điểm A là trung điểm của OB
 c) Gọi M là trung điểm của AB, khi đó độ dài đoạn thẳng OM = 7,5 cm
 d) Trên tia đối của tia BM lấy điểm N sao cho NB = 3cm, khi đó điểm B là trung điểm của MN.

3/ Trắc nghiệm trả lời ngắn. (2,0 điểm). Điền nội dung đúng vào chỗ (...)

Câu 15: a) $\frac{3}{5} + \frac{2}{5} \cdot \frac{15}{8} = \dots\dots\dots$ **b)** $\frac{7}{2} \cdot \frac{8}{13} + \frac{8}{13} \cdot \frac{-5}{2} + \frac{8}{13} = \dots\dots\dots$

Câu 16:

a) $x - \frac{2}{3} = \frac{-5}{12}$, x =

b) $3x - \frac{5}{6} = \frac{-14}{21} : \frac{2}{7}$, x =

Phần II: Tự luận (3,0 điểm)

Câu 17 (1,0 điểm). Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần:

-2,58; 3,9; +5,12; -5,25; 0

Câu 18 (1,5 điểm): Lớp 6A có 40 học sinh. Trong đó, số học sinh thích đá bóng chiếm $\frac{2}{5}$ số học sinh cả

lớp, số học sinh thích đá cầu bằng $\frac{7}{8}$ số học sinh thích đá bóng, số học sinh còn lại thích cờ vua. Tính số học sinh mỗi loại của lớp 6A ?

Câu 19 (0,5 điểm): Cho $A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{20^2}$. Chứng tỏ rằng $A < 1$

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần I. Trắc nghiệm khách quan

1/ Trắc nghiệm khách quan (3,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	B	D	C	A	C	C	D	D	D	A

2/ Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm)

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu 0,25 điểm

Câu	a	b	c	d
1	Đúng	Đúng	Sai	Sai
2	Sai	Đúng	Đúng	Sai

3/ Trắc nghiệm trả lời ngắn (2,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm

Câu hỏi	Đáp án
Câu 15a	$\frac{27}{10}$
Câu 15b	$\frac{16}{13}$
Câu 16a	$x = \frac{1}{4}$
Câu 16b	$x = \frac{-1}{2}$

Phần II. Tự luận (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
17	Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần là: $-5, 25; -2, 58; 0; 3, 9; +5, 12$	1,0
18	Số học sinh thích đá bóng là : $40 \cdot \frac{2}{5} = 16$ (học sinh)	0,5
	Số học sinh thích đá cầu là : $16 \cdot \frac{7}{8} = 14$ (học sinh)	0,5
	Số học sinh thích cờ vua là : $40 - (16 + 14) = 10$ (học sinh)	0,5
19	$A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{20^2} < \frac{1}{1 \cdot 2} + \frac{1}{2 \cdot 3} + \frac{1}{3 \cdot 4} + \dots + \frac{1}{19 \cdot 20}$	0,25
	$= 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{19} - \frac{1}{20}$ $= 1 - \frac{1}{20} < 1$ Vậy $A < 1$	0,25

Chú ý: Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan (4,0 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời (A, B, C, D) em cho là đúng.

Câu 1: Trong các phân số sau, phân số nào bằng phân số $\frac{1}{2}$?

A. $\frac{1}{-2}$

B. $\frac{2}{4}$

C. $\frac{5}{3,4}$

D. $\frac{-5}{10}$

Câu 2: Trong các khẳng định sau khẳng định nào đúng?

A. $\frac{-3}{4} < \frac{-6}{4}$

B. $\frac{-3}{4} > \frac{-6}{4}$

C. $\frac{-3}{4} = \frac{-6}{4}$

D. $\frac{-3}{4} \leq \frac{-6}{4}$

Câu 3: Trong các cách viết sau, cách viết nào **không phải** là phân số?

A. $\frac{1,2}{16}$

B. -3

C. $\frac{0}{7}$

D. $\frac{8}{15}$

Câu 4: Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{-12}{23}$ là

A. $\frac{12}{23}$

B. $-\frac{12}{23}$

C. $\frac{23}{12}$

D. $-\frac{23}{12}$

Câu 5: Khẳng định đúng trong các khẳng định sau là

A. $\frac{-3}{15} < \frac{-14}{15}$

B. $\frac{11}{13} < \frac{11}{15}$

C. $\frac{-4}{-9} > 0$

D. $\frac{-30}{29} > \frac{9}{29}$

Câu 6: Kết quả của phép chia $\frac{9}{5} : \frac{-3}{5}$ là

A. 3

B. 4

C. -3

D. -4

Câu 7: Viết phân số đối của $\frac{65}{10}$ là:

A. $-\frac{65}{10}$

B. $\frac{65}{10}$

C. $\frac{-10}{65}$

D. $\frac{10}{65}$

Câu 8: $\frac{1}{4}$ của 20 là

A. 5

B. 4

C. 6

D. 7

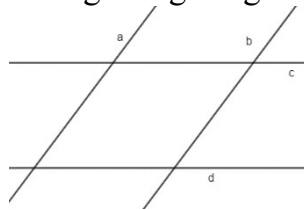
Câu 9: Trong hình bên có bao nhiêu cặp đường thẳng song song

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4



Câu 10: Trong các hình sau, hình nào có một trục đối xứng?

A. Hình vuông

B. Hình thoi

C. Hình thang cân

D. Hình chữ nhật.

Câu 11: Hình nào dưới đây **không có** tâm đối xứng

A. Lục giác đều

B. Tam giác đều

C. Hình bình hành

D. Hình thoi

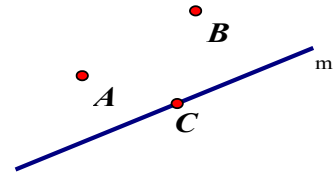
Câu 12: Trong hình sau, điểm thuộc đường thẳng m là....

A. Điểm A

B. Điểm B

C. Điểm C

D. Điểm A và B



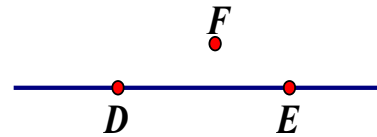
Câu 13: Đường thẳng trong hình sau có tên là....

A. DE

B. FE

C. DF

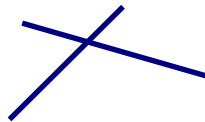
D. DFE



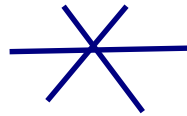
Câu 14: Trong các hình sau, hình nào không có giao điểm?



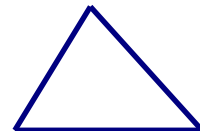
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

A. Hình 2

B. Hình 4

C. Hình 3

D. Hình 1.

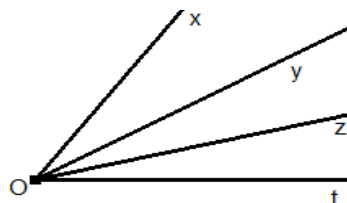
Câu 15: Kể tên các tia trong hình vẽ sau:

A. Ox

B. Ox, Oy, Oz, Ot

C. Oz, Ox, Oy

D. xO, yO, zO, tO



Câu 16: Trong ba điểm thẳng hàng, có bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm còn lại?

A. Có vô số điểm.

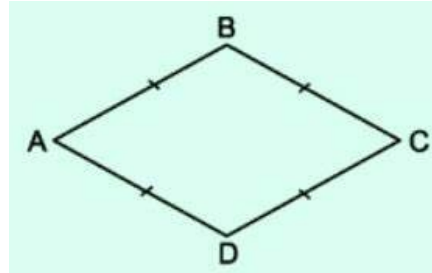
B. Có nhiều hơn hai điểm.

C. Có không quá hai điểm.

D. Có duy nhất một điểm.

Phần 2. Tự luận (6,0 điểm)

Câu 17: Hình bên có mấy trục đối xứng, vẽ các trục đối xứng đó (1 điểm)



Câu 18: Thực hiện phép tính :

(1.5 điểm)

$$a) \frac{5}{3} + \frac{3}{-2}$$

$$c) \frac{3}{4} : \frac{-5}{4}$$

$$b) \frac{4}{5} \cdot \frac{3}{2} + \frac{4}{5} \cdot \left(-\frac{1}{2}\right)$$

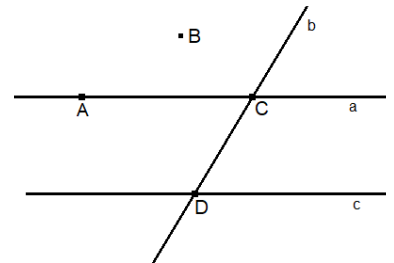
Câu 19: (1.5 điểm)

Một lớp học có 42 học sinh. Số học sinh loại tốt chiếm $\frac{1}{3}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh đạt bằng số học sinh tốt, còn lại là học sinh khá. Tính số học sinh mỗi loại của cả lớp?

Câu 20: (2,0 điểm) Cho hình vẽ bên

a) Điểm nào thuộc đường thẳng a? Điểm nào không thuộc đường thẳng a?

b) Kể tên hai đường thẳng song song? Hai đường thẳng cắt nhau?



---HẾT---

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đ/án	B	B	A	D	C	C	A	A	B	C	B	C	A	D	B	D

II. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu	Lời giải	Điểm
17	Có 2 trục đối xứng Về mỗi trục 0.25	0.5 0.5
18	$+ \frac{3}{-2} = \frac{5}{3} + \frac{-3}{2} = \frac{10}{6} + \frac{-9}{6} = \frac{1}{6}$ $b) \frac{4}{5} \cdot \frac{3}{2} + \frac{4}{5} \cdot \frac{-1}{2} = \frac{4}{5} \cdot \left(\frac{3}{2} + \frac{-1}{2} \right) = \frac{4}{5} \cdot 1 = \frac{4}{5}$ $c) \frac{3}{4} : \frac{-5}{4} = \frac{3}{4} \cdot \frac{4}{-5} = -\frac{3}{5}$	0.5 0.5
19	<p>Số học sinh loại tốt là:</p> $42 \cdot \frac{1}{3} = 14$ <p>(học sinh)</p> <p>Số học sinh loại đạt là:</p> $14 \cdot \frac{2}{7} = 4$ <p>(học sinh)</p> <p>Số học sinh khá là:</p> $42 - 14 - 4 = 24$ <p>(học sinh).</p> <p>ĐS: 14 học sinh loại tốt 4 học sinh loại đạt 24 học sinh khá</p>	0.5 0.5 0.5
20	<p>a) Điểm thuộc đường thẳng a là: điểm A, điểm C Điểm không thuộc đường thẳng a là: điểm B, điểm D</p> <p>b) Hai đường thẳng song song là: đường thẳng a và c Hai đường thẳng cắt nhau là: đường thẳng a và b; đường thẳng c và b.</p>	0.5 0.5 0.5 0.5

---Hết---

ĐỀ 4	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6
------	---

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Từ Câu 1 đến **Câu 8**: Hãy chọn chữ cái A, B, C, D đứng trước câu trả lời đúng và ghi bài làm của mình.

Câu 1. Chọn câu đúng: Với $a; b; m \in \mathbb{Z}; m \neq 0$ ta có

A. $\frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a+b}{m}$ B. $\frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a+b}{m+m}$ C. $\frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a-b}{m}$ D. $\frac{a}{m} + \frac{b}{m} = \frac{a \cdot b}{m}$

Câu 2. Số đối của phân số $\frac{-13}{7}$ là:

A. $\frac{13}{-7}$ B. $\frac{-13}{-7}$ C. $\frac{-7}{13}$ D. $\frac{7}{13}$

Câu 3. Kết quả của phép tính $(-2) \cdot \frac{3}{8}$ là:

A. $\frac{-16}{8}$ B. $\frac{-13}{8}$ C. $\frac{-6}{16}$ D. $\frac{-3}{4}$

Câu 4. Làm tròn số 0,158 đến hàng phần mười ta được:

A. 0,17 B. 0,159 C. 0,16 D. 0,2

Câu 5. Bạn Nam cao 1,57 m, bạn Linh cao 1,53 m, bạn Loan cao 1,49 m. Chiều cao của bạn cao nhất hơn bạn thấp nhất là bao nhiêu mét?

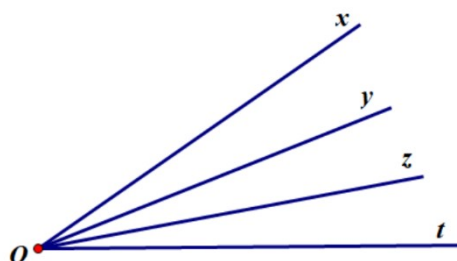
A. 0,18m B. 0,08m C. 0,04m D. 0,14m

Câu 6. Tìm x biết $\frac{13}{25} : x = \frac{5}{26}$

A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{338}{125}$ C. $\frac{5}{2}$ D. $\frac{125}{338}$

Câu 7. Kể tên tất cả các tia trong hình vẽ sau:

A. Ox. B. Ox, Oy, Oz
C. Ox, Oy, Oz, Ot D. xO, yO, zO, tO.



Câu 8. Chọn câu **sai** trong các phát biểu sau:

- A. Góc là hình gồm hai tia chung gốc.
- B. Hai tia chung gốc tạo thành góc bẹt.
- C. Hai góc bằng nhau có số đo bằng nhau.
- D. Hai góc có số đo bằng nhau thì bằng nhau.

Câu 9. Quan sát Hình 1.

Hãy ghi **Đúng (Đ)** hoặc **Sai (S)** vào bài làm của mình cho mỗi khẳng định sau:



Hình 1

- a) Hai tia BC và BD trùng nhau.
- b) Hai tia DA và CA trùng nhau.
- c) Hai tia BA và CD đối nhau.
- d) Hai tia BA và BD đối nhau.

Câu 10. Chỉ ghi kết quả bài toán sau vào bài, không trình bày lời giải chi tiết.

a) $\frac{3}{14}$ của -49 là:.....

b) Biết $\frac{7}{9}$ của một số là -21 thì số đó là:.....

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 11 (2,5 điểm). Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{-4}{9} + \frac{7}{-9}$

b) $\frac{-7}{12} - \frac{9}{20}$

c) $\frac{-4}{7} + \frac{2}{3} \cdot \frac{-9}{14}$

d) $\frac{15}{8} : \left(\frac{25}{8} + \frac{-11}{2} \right)$

e) $\frac{-5}{6} \cdot \frac{4}{19} + \frac{-7}{12} \cdot \frac{4}{19} - \frac{40}{57}$

Câu 12 (1,0 điểm). Tìm x, biết:

a) $x - \frac{2}{3} = -\frac{1}{5}$

b) $\frac{1}{3} + \frac{2}{3} : x = -7$

Câu 13 (1,0 điểm).

Một lớp có 40 học sinh gồm ba loại: Tốt, Khá, Đạt. Trong đó số học sinh loại Tốt chiếm 50% số

học sinh cả lớp. Số học sinh loại Khá bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh loại Tốt, còn lại là học sinh loại Đạt.

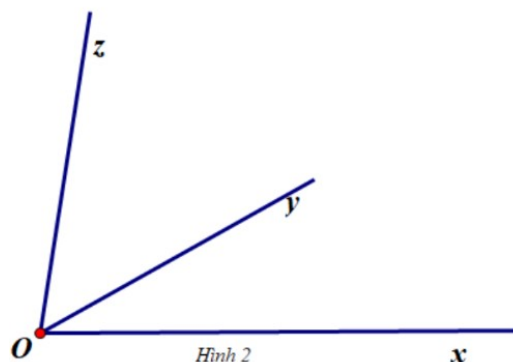
a) Tính số học sinh mỗi loại.

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh loại Đạt so với số học sinh cả lớp.

Câu 14 (1,0 điểm). Quan sát Hình 2

a) Kể tên các tia có trong hình.

b) Kể tên các góc có trong hình.



$$S = \frac{1}{31} + \frac{1}{32} + \frac{1}{33} + \dots + \frac{1}{60}.$$

Câu 15 (0,5 điểm). Cho

$$S > \frac{3}{5}$$

Chứng tỏ rằng: .

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
-----	---	---	---	---	---	---	---	---

Đáp án	A	B	D	D	B	B	C	B
--------	---	---	---	---	---	---	---	---

Câu 9 (1,0 điểm). Đáp án: **a) Đ b) S c) S d) Đ**

Đúng 1 ý: 0,1đ

Đúng 2 ý: 0,25đ

Đúng 3 ý: 0,5đ

Đúng 4 ý: 1đ

Câu 10 (1,0 điểm)

$\frac{-21}{2}$

1) Đáp án: $\frac{-21}{2}$ 2) Đáp án: -27

II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn	Điểm
11 (2,5đ)	a) $\frac{-4}{9} + \frac{7}{-9} = \frac{-4}{9} + \frac{-7}{9} = \frac{-4+(-7)}{9} = \frac{-11}{9}$	0,5
	b) $\frac{-7}{12} - \frac{9}{20} = \frac{-35}{60} - \frac{27}{60} = -\frac{62}{60} = -\frac{31}{30}$	0,5
	c) $\frac{-4}{7} + \frac{2}{3} \cdot \frac{-9}{14} = \frac{-4}{7} + \frac{-3}{7} = -1$	0,5
	d) $\frac{15}{8} : \left(\frac{25}{8} + \frac{-11}{2} \right) = \frac{15}{8} : \left(\frac{25}{8} + \frac{-44}{8} \right) = \frac{15}{8} : \frac{-19}{8} = \frac{-15}{19}$	0,5
	e) $\frac{-5}{6} \cdot \frac{4}{19} + \frac{-7}{12} \cdot \frac{4}{19} - \frac{40}{57} = \frac{4}{19} \left(\frac{-5}{6} + \frac{-7}{12} \right) - \frac{40}{57} = \frac{-17}{57} - \frac{40}{57} = -\frac{57}{57} = -1$	0,5
12 (1,0đ)	a) $x - \frac{2}{3} = -\frac{1}{5}$	0,25
	$x = -\frac{1}{5} + \frac{2}{3}$	
	$x = \frac{7}{15}$	0,25
	b) $\frac{1}{3} + \frac{2}{3} : x = -7$ $\frac{2}{3} : x = -7 - \frac{1}{3}$ $\frac{2}{3} : x = -\frac{22}{3}$ $x = \frac{2}{3} : \frac{-22}{3} = \frac{-1}{11}$	0,25 0,25

13	a) Số HS loại Tốt là $40 \cdot 50\% = 20$ Số HS loại Khá là: $20 \cdot \frac{3}{4} = 15$ Số HS loại Đạt là: $40 - 20 - 15 = 5$	0,5
(1,0đ)	b) Tỉ số phần trăm số học sinh loại Đạt so với số học sinh cả lớp là $\frac{5 \cdot 100}{40} \% = 12,5\%$	0,5
14	a) Các tia là Ox, Oy, Oz b) Các góc là : $\widehat{xOy}$, $\widehat{xOz}$, $\widehat{yOz}$	0,5
(1,0đ)		0,5
15	$S = \frac{1}{31} + \frac{1}{32} + \frac{1}{33} + \dots + \frac{1}{60}$ $S = \left(\frac{1}{31} + \frac{1}{32} + \frac{1}{33} + \dots + \frac{1}{40} \right) + \left(\frac{1}{41} + \frac{1}{32} + \frac{1}{33} + \dots + \frac{1}{50} \right) + \left(\frac{1}{51} + \frac{1}{32} + \frac{1}{33} + \dots + \frac{1}{60} \right)$ $S > \left(\frac{1}{40} + \frac{1}{40} + \frac{1}{40} + \dots + \frac{1}{40} \right) + \left(\frac{1}{50} + \frac{1}{50} + \frac{1}{50} + \dots + \frac{1}{50} \right) + \left(\frac{1}{60} + \frac{1}{60} + \frac{1}{60} + \dots + \frac{1}{60} \right)$ $S > \frac{1}{4} + \frac{1}{5} + \frac{1}{6} = \frac{37}{60} > \frac{36}{60} = \frac{3}{5}$	0,5
(0,5đ)		

Lưu ý: Học sinh giải bằng cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa./.

ĐỀ 5	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TOÁN 6
------	---

Bài 1(NB – 2đ)

a. Trong các số sau, số nào là phân số, số nào không là phân số?

$$\frac{-1}{2}; \frac{0}{-5}; -3; \frac{7,5}{4}; \frac{105}{-88}; \frac{-7}{0,25}$$

b. Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dần : $\frac{-15}{57}; \frac{5}{57}; \frac{12}{57}; \frac{14}{57}; \frac{10}{57}; \frac{-14}{57}; \frac{27}{57}$.

Bài 2. (TH- 3,0 điểm). Tìm x biết:

$$a) \frac{-7}{30} \cdot x - \frac{2}{3} = \frac{-1}{5}$$

$$b) \frac{x-2}{18} = \frac{-2}{3}$$

$$c) x \cdot 12,5 = (32,6 - 10,4) \cdot 5$$

Bài 3. (VD- 1,0 điểm). Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

$$a) \frac{-3}{8} + \frac{12}{25} - \frac{5}{8} + \frac{2}{-5} + \frac{13}{25}$$

$$b) \frac{3}{7} \cdot \frac{20}{11} + \frac{9}{11} \cdot \frac{-3}{7} - 2 \frac{3}{7}$$

Bài 4. (VD - 1,5 điểm). Có 56 học sinh tham gia học bồi dưỡng câu lạc bộ học sinh giỏi các môn Toán, Văn, Anh, mỗi học sinh chỉ tham gia học 1 môn. Số học sinh học môn Toán bằng $\frac{3}{8}$ tổng số bạn tham gia. Số bạn học môn Văn bằng $\frac{6}{7}$ số học sinh học môn Toán. Hỏi:

- a) Có bao nhiêu bạn tham gia học môn Văn?
b) Trong 3 môn Toán, Văn, Anh, môn nào có số học sinh tham gia học ít nhất? Vì sao?

Bài 5. (NB-1 điểm). Vẽ hình theo diễn đạt sau:

Vẽ đường thẳng m, lấy 2 điểm A và B nằm trên đường thẳng m. Vẽ điểm I không thuộc đường thẳng m. Lấy điểm E thuộc đường thẳng m sao cho điểm B nằm giữa hai điểm A và E. Vẽ đoạn thẳng AI. Qua điểm I vẽ đường thẳng d cắt đường thẳng m tại điểm B. Vẽ tia EI, và vẽ tia Ex là tia đối của tia EI.

Bài 6. (TH-1,0 điểm). Trên tia Ox, vẽ hai điểm A, B sao cho OA = 3cm, OB = 7cm.

- a. Điểm A có nằm giữa 2 điểm O và B không? Vì sao
b. Tính độ dài đoạn thẳng AB.

Bài 7. (VD- 0,5 điểm) So sánh hai phân số A và B biết $A = \frac{10^{2024} + 1}{10^{2023} + 1}$; $B = \frac{10^{2023} + 1}{10^{2022} + 1}$

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

	Nội dung	Điểm
Bài 1 (2đ)	a. Số không là phân số: $\frac{-7}{0,25}$ Các số còn lại đều là phân số	1,0
	b. Sắp xếp theo thứ tự tăng dần: $\frac{-15}{57}, \frac{-14}{57}, \frac{5}{57}, \frac{10}{57}, \frac{12}{57}, \frac{14}{57}, \frac{27}{57}$	1,0
Bài 2 (3đ)	a $\frac{-7}{30} \cdot x - \frac{2}{3} = \frac{-1-7}{5} \cdot \frac{1}{30} \cdot x = \frac{-1}{5} + \frac{2-7}{3} \cdot \frac{1}{30} \cdot x = \frac{-3}{15} + \frac{10}{15} = \frac{7}{15} x = \frac{7}{15} : \frac{-7}{30} = \frac{7}{15} \cdot \frac{30}{-7} = -2$	0.25
		0.25
		0,25
		0,25
	b $\frac{x-2}{18} = \frac{-2}{3} \cdot 3 \cdot (x-2) = (-2) \cdot 18(x-2) = \frac{(-2) \cdot 18}{3} (x-2) = -12x = -12 + 2 = -10$	0.25
		0.25
		0,25

	<p>d) $x.12,5 = (32,6 - 10,4).5$</p> <p>x. 12,5 = 22,2.5</p> <p>x.12,5 = 111</p> <p>x = 8,88</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
Bài 3 (1đ)	$a) \frac{-3}{8} + \frac{12}{25} - \frac{5}{8} + \frac{2}{-5} + \frac{13}{25} = \left(\frac{-3}{8} - \frac{5}{8} \right) + \left(\frac{12}{25} + \frac{13}{25} \right) + \frac{2}{-5}$ $= (-1) + 1 + \frac{-2}{5} = \frac{-2}{5}$	<p>0.25</p> <p>0.25</p>
	$b) \frac{3}{7} \cdot \frac{20}{11} + \frac{9}{11} \cdot \frac{-3}{7} - 2 \cdot \frac{3}{7} = \frac{3}{7} \cdot \frac{20}{11} - \frac{9}{11} \cdot \frac{3}{7} - 2 \cdot \frac{3}{7} = \frac{3}{7} \cdot \left(\frac{20}{11} - \frac{9}{11} \right) - 2 \cdot \frac{3}{7} = \frac{3}{7} \cdot 1 - 2 \cdot \frac{3}{7}$ $= \frac{3}{7} - 2 \cdot \frac{3}{7} = -2$	<p>0.25</p> <p>0.25</p>
Bài 4 (1,5 đ)	a) Số học sinh học môn Toán là: $56 \cdot \frac{3}{8} = 21$ (học sinh)	0.5
	Số học sinh học môn Văn là: $21 \cdot \frac{6}{7} = 18$ (học sinh)	0.5
	b) Số học sinh học môn Tiếng Anh là: $56 - 21 - 18 = 17$ (học sinh)	0.25
	Vì $21 > 18 > 17$ nên số học sinh học môn Tiếng Anh là ít nhất.	0.25
Bài 5 (1 đ)	- Vẽ đúng đường thẳng m, các điểm A, B và I.	0.25
	- Vẽ đúng điểm E thuộc đường thẳng m sao cho điểm B nằm giữa hai điểm A và E, và vẽ đoạn thẳng AI	0.25
	- Vẽ đúng đường thẳng d cắt đường thẳng m tại điểm B và tia EI	0.25
	- Vẽ tia Ex là tia đối của tia EI.	0.25
Bài 6 (1,0 đ)	a. Vẽ đúng hình đúng và giải thích được điểm A nằm giữa 2 điểm O và B	0,5
	b. Tính độ dài đoạn thẳng AB? Vì điểm A nằm giữa 2 điểm O và B nên $OA + AB = OB$ Thay số tính được $AB = 4m$	0.5
Bài 7 (0,5 đ)	<p>a. $+A - 1 = \frac{10^{2024} + 1}{10^{2023} + 1} - \frac{10^{2023} + 1}{10^{2023} + 1} = \frac{10^{2024} - 10^{2023}}{10^{2023} + 1} = \frac{10^{2023} \cdot 9}{10^{2023} + 1} = \frac{10^{2022} \cdot 9 \cdot 10}{10^{2023} + 1}$</p> <p>$+B - 1 = \frac{10^{2023} + 1}{10^{2022} + 1} - \frac{10^{2022} + 1}{10^{2022} + 1} = \frac{10^{2023} - 10^{2022}}{10^{2022} + 1} = \frac{10^{2022} \cdot 9}{10^{2022} + 1}$</p> <p>$+)$ Để so sánh $A - 1$ và $B - 1$ ta so sánh $\frac{10}{10^{2023} + 1}$ và $\frac{1}{10^{2022} + 1}$</p> <p>Ta có: $m \text{ được } \frac{10}{10^{2023} + 1} > \frac{1}{10^{2022} + 1} \Rightarrow A - 1 > B - 1 \Rightarrow A > B.$</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p>

ĐỀ 6

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN 6

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm) Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1: Phân số nào dưới đây là phân số tối giản?

A. $\frac{2}{4}$

B. $\frac{3}{9}$

C. $\frac{5}{7}$

D. $\frac{10}{15}$

Câu 2: Tính chất cơ bản của phân số là gì?

A. Tử số và mẫu số có thể cộng hoặc trừ cùng một số.

B. Tử số và mẫu số có thể nhân hoặc chia cùng một số (khác 0).

C. Tử số và mẫu số có thể nhân hoặc chia cho bất kỳ số nào.

D. Tử số và mẫu số luôn bằng nhau.

Câu 3: Kết quả so sánh hai phân số $\frac{-2}{9}$ và $\frac{-5}{9}$

A. $\frac{-2}{9} > \frac{-5}{9}$

B. $\frac{-2}{9} < \frac{-5}{9}$

C. $\frac{-2}{9} = \frac{-5}{9}$

D. $\frac{-2}{9} \neq \frac{-5}{9}$

Câu 4: Rút gọn phân số $\frac{-18}{27}$ được kết quả là

A. $\frac{-2}{3}$

B. $\frac{27}{-18}$

C. $\frac{2}{3}$

D. $\frac{18}{27}$

Câu 5: Một cửa hàng có 120 kg gạo. Buổi sáng bán được $\frac{2}{5}$ số gạo, buổi chiều bán được $\frac{1}{3}$ số gạo còn lại. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu kg gạo?

A. 32 kg.

B. 48 kg.

C. 24 kg.

D. 80 kg.

Câu 6: Kết quả phép tính $2\frac{1}{3} - 1\frac{3}{5}$ bằng

A. $\frac{11}{15}$

B. $3\frac{4}{5}$

C. $\frac{59}{15}$

D. $1\frac{4}{8}$

Câu 7: Kết quả của phép tính $\frac{2}{5} - \frac{1}{3}$ là

A. $\frac{3}{2}$

B. $\frac{1}{8}$

C. $\frac{11}{15}$

D. $\frac{1}{15}$

Câu 8: Kết quả của phép tính $-\frac{4}{5} : -\frac{2}{5}$ là

- A. 2. B. - 2. C. $-\frac{8}{25}$. D. $\frac{8}{25}$

Câu 9: Hình chữ cái nào sau đây có trục đối xứng?



- A. Hình chữ B. B. Hình chữ F. C. Hình chữ J. D. Hình chữ Q.

Câu 10: Hình nào sau đây không có trục đối xứng?

- A. Hình tròn. B. Hình vuông. C. Hình tam giác đều. D. Hình bình hành.

Câu 11: Hình chữ cái nào sau đây có tâm đối xứng?

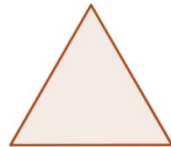


- A. Hình chữ C. B. Hình chữ I. C. Hình chữ L. D. Hình chữ A.

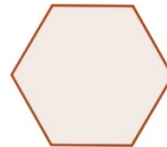
Câu 12: Trong các hình vuông, tam giác đều, lục giác đều, hình thoi, các hình có tâm đối xứng là



Hình vuông



Tam giác đều



Lục giác đều



Hình thoi

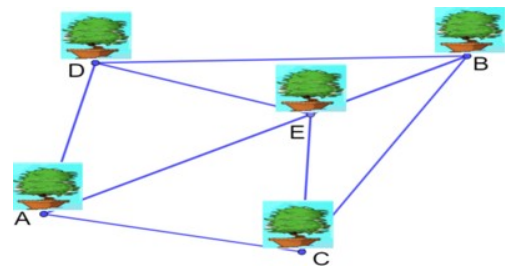
- A. Hình vuông, tam giác đều, lục giác đều. B. Hình vuông, tam giác đều.
C. Hình vuông, lục giác đều, hình thoi. D. Hình vuông, lục giác đều.

Câu 13: Điểm A thuộc đường thẳng d được kí hiệu

- A. $A \in d$ B. $A \notin d$ C. $d \in A$ D. $d \notin A$

Câu 14: Trong hình bên dưới, ba chậu cây nào thẳng hàng?
(Các chậu cây được ghi bởi các chữ cái tương ứng)?

- A. E, C, B. B. D, E, B.
C. A, C, B. D. A, E, B.



Câu 15: Cho hình sau, em hãy chọn câu đúng



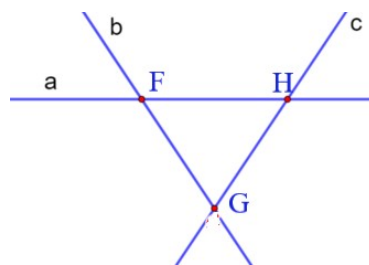
- A. Điểm A nằm giữa hai điểm B và C. B. Điểm B nằm giữa hai điểm A và C.

C. Điểm C nằm giữa hai điểm A và B .

D. Không có điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại.

Câu 16: Cho hình vẽ bên. Chọn khẳng định **sai** trong các khẳng định sau

- A. Điểm F thuộc hai đường thẳng a và b .
- B. Điểm G thuộc hai đường thẳng a và b .
- C. Điểm G thuộc hai đường thẳng b và c .
- D. Điểm H thuộc hai đường thẳng a và c .



PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (2,0 điểm)

Trong mỗi ý a), b), c), d) học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 17: Cho hai phân số $\frac{4}{9}$ và $\frac{3}{4}$

a) Kết quả so sánh hai phân số trên là $\frac{4}{9} < \frac{3}{4}$.

b) Tổng của hai phân số trên là $\frac{41}{36}$.

c) Tích của hai phân số trên là $\frac{2}{5}$.

d) Thương của hai phân số trên là $\frac{16}{27}$.

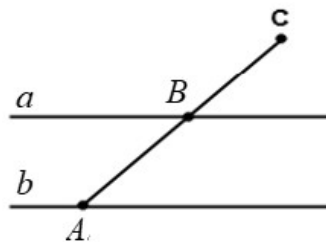
Câu 18: Cho hình 1 bên dưới

a) Ba điểm A, B, C thẳng hàng.

b) Điểm B thuộc đường thẳng a

c) Hai điểm A và C không thuộc đường thẳng b

d) Hai đường thẳng a và b cắt nhau



PHẦN III. TỰ LUẬN (4,0 điểm)

Câu 19: (1,0 điểm)

a) Tìm các cặp phân số đối nhau trong các phân số sau $-\frac{4}{9}$; $\frac{7}{5}$; $-\frac{1}{3}$; $-\frac{7}{5}$; $\frac{4}{9}$.

b) So sánh hai phân số $-\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{6}$

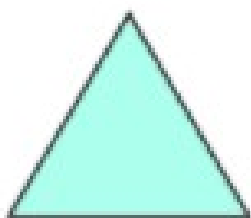
Câu 20: (1,0 điểm)

Một bể nước có dung tích 200 lít. Lúc đầu bể chứa $\frac{3}{4}$ lượng nước. Người ta dùng hết $\frac{2}{5}$ lượng nước có trong bể. Hỏi trong bể còn lại bao nhiêu lít nước?

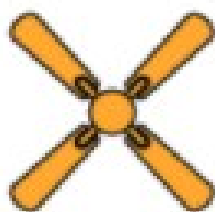
Câu 21: (1,0 điểm)

a) Hãy kể tên 4 vật thể tự nhiên có tính đối xứng và cho biết vật đó có trục đối xứng hay có tâm đối xứng.

b) Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng, hình nào có trục đối xứng.



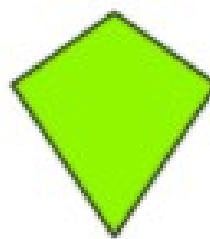
Tam giác đều



Cánh quạt



Trái tim



Cánh diều

Câu 22: (1,0 điểm)

Cho 3 điểm A, B, C không thẳng hàng. Vẽ các đường thẳng AB, BC và CA . Hỏi có bao nhiêu đoạn thẳng được tạo thành?

-----Hết-----

DÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm, gồm 16 câu) Chọn đáp án đúng nhất

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	B	A	A	B	A	C	A	A	D	B	C	A	D	B	B

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI: mỗi ý đúng 0,25 điểm

Câu 23: a) đúng; b) sai, c) sai, d) đúng

Câu 24: a) đúng, b) đúng, c) sai, d) sai

PHẦN III. TỰ LUẬN (4,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 25: 1,0 điểm	a) Tìm các cặp phân số đối nhau trong các phân số sau $-\frac{4}{9}, \frac{7}{5}, -\frac{1}{3}, -\frac{7}{5}, \frac{4}{9}$	

	$\frac{-4}{9} \text{ và } \frac{4}{9}$ $\frac{7}{5} \text{ và } -\frac{7}{5}$ <p>So sánh hai phân số $-\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{6}$</p> <p>b)</p> $\frac{-3}{-4} = \frac{3}{4} = \frac{3.3}{4.3} = \frac{9}{12}; \quad \frac{5}{6} = \frac{5.2}{6.2} = \frac{10}{12};$ <p>Ta có:</p> $\frac{9}{12} < \frac{10}{12}, \text{ nên } -\frac{3}{4} < \frac{5}{6}$	<p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p>
<p>Câu 26:</p> <p>1,0 điểm</p>	<p>Một bể nước có dung tích 200 lít. Lúc đầu bể chứa $\frac{3}{4}$ lượng nước.</p> <p>Người ta dùng hết $\frac{2}{5}$ lượng nước có trong bể. Hỏi trong bể còn lại bao nhiêu lít nước?</p> <p>Lượng nước có trong bể lúc đầu: $200 \cdot \frac{3}{4} = 150$ (lít)</p> <p>Lượng nước đã dùng: $150 \cdot \frac{2}{5} = 60$ (lít)</p> <p>Lượng nước còn lại trong bể: $150 - 60 = 90$ (lít)</p> <p>Vậy trong bể còn lại 90 lít nước.</p>	<p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p>
<p>Câu 27:</p> <p>1,0 điểm</p>	<p>a) Hãy kể tên 4 vật thể tự nhiên có tính đối xứng và cho biết dạng đối xứng của chúng.</p> <p>Nêu được 4 vật thể và đúng tính đối xứng</p> <p>b) Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng, hình nào có trục đối xứng.</p> <p>Hình có tâm đối xứng: cánh quạt</p> <p>Hình có trục đối xứng: tam giác đều, trái tim, cánh diều</p>	<p>0,5 điểm</p>

		0,5 điểm
Câu 28: 1,0 điểm	Cho 3 điểm A, B, C không thẳng hàng. Vẽ các đường thẳng AB, BC và CA . Hỏi có bao nhiêu đoạn thẳng được tạo thành? Vẽ đúng hình Có 3 đoạn thẳng được tạo thành: AB, BC, CA	0,5 điểm 0,5 điểm

Lưu ý: Học sinh làm cách khác đúng vẫn công nhận kết quả.

ĐỀ 7

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN 6

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Bảng số liệu đánh giá chất lượng sản phẩm bằng điểm số 1, 2, 3, 4, 5 của một lô hàng gồm 20 sản phẩm như sau:

Điểm	1	2	3	4	5
Số thập phân	0	0	3	5	12

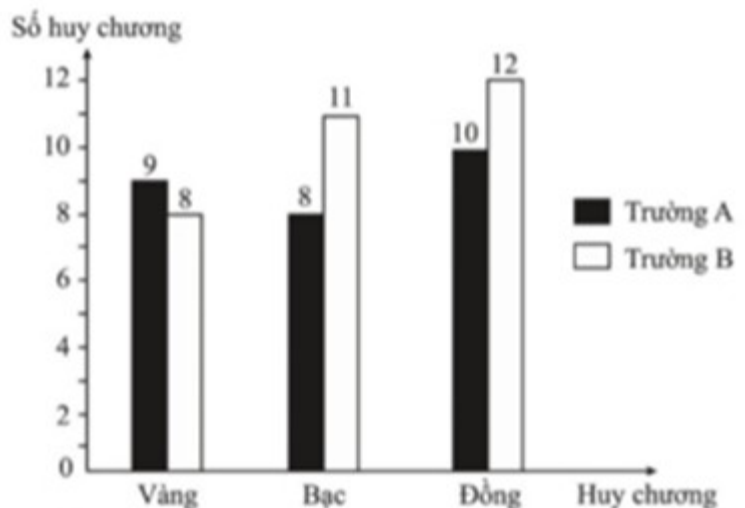
Đối tượng thống kê là:

- A.** Các điểm số: 1, 2, 3, 4. **B.** Các điểm số: 1, 2, 3,
C. Các điểm số: 3, 4, 5 **D.** Các điểm số: 1, 2, 3, 4, 5.

Câu 2. Hai trường A và B đã tổ chức ngày hội thể thao nhân kỉ niệm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Biểu đồ cột kép ở Hình 6 biểu diễn số huy chương Vàng, Bạc và Đồng của hai trường.

Tổng số huy chương các loại (Vàng, Bạc, Đồng) của hai trường A và B là:

- A. 27 (huy chương) B. 57 (huy chương)
C. 58 (huy chương) D. 55 (Huy chương)



Hình 6

Câu 3. Biết $\frac{10}{16} = \frac{5}{?}$. Thay dấu ? bằng số thích hợp.

- A. 11. B. 8. C. -1. D. 2.

Câu 4. Trong các phân số $\frac{1}{4}; \frac{-1}{4}; \frac{-2}{4}; \frac{2}{4}$ phân số bằng phân số $\frac{1}{2}$ là

- A. $\frac{2}{4}$. B. $\frac{-1}{4}$. C. $\frac{-2}{4}$. D. $\frac{1}{4}$.

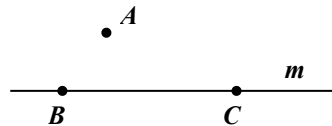
Câu 5. Rút gọn phân số $\frac{8}{16}$ ta được phân số tối giản là

- A. $\frac{4}{8}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{1}{8}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 6. Số nguyên x thỏa mãn $\frac{35}{15} = \frac{x}{3}$ là

- A. $x = 5$. B. $x = 6$. C. $x = 7$. D. $x = 8$.

Câu 7. Cho hình 1, chọn khẳng định đúng:



Hình 1

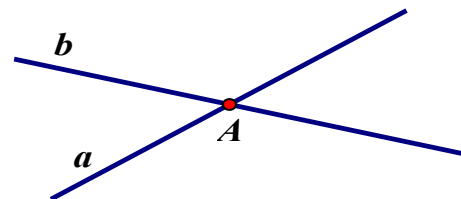
- A. $A \in m$. B. $B \notin m, C \notin m$. C. $B \notin m, C \in m$. D. $A \notin m, B \notin m$.

Câu 8. Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B?

- A. Có một đường thẳng. B. Không có đường thẳng nào.
C. Có vô số đường thẳng. D. Có hai đường thẳng.

Câu 9. Trong hình 1, hai đường thẳng a và b :

- A. vuông góc
B. trùng nhau
C. song song
D. cắt nhau.



Hình 1

Câu 10. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng :

- A. có một điểm chung. B. có nhiều điểm chung.

C. không có điểm chung nào.

D. có hai điểm chung.

Câu 11. Hình gồm 2 điểm M và N và tất cả các điểm nằm giữa M và N được gọi là

A. tia MN

B. đoạn thẳng MN

C. đường thẳng MN

D. Đáp án khác

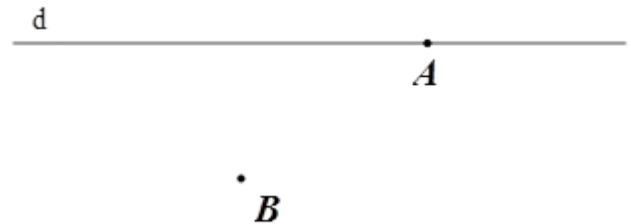
Câu 12. M là một điểm bất kì trên đoạn thẳng AB. Câu nào dưới đây đúng?

A. Điểm M hoặc trùng với A, hoặc trùng với B hoặc nằm giữa A và B

B. Điểm M phải trùng với B

C. Điểm M phải nằm giữa hai điểm A và B

D. Điểm M phải trùng với A

II. Câu trắc nghiệm đúng sai (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.**Câu 13.****a)** Nếu gieo một con xúc xắc 18 lần liên tiếp, có 9 lần xuất hiện mặt 1 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là $\frac{1}{6}$.**b)** Nếu tung một đồng xu 12 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N bằng $\frac{7}{12}$.**c)** Nếu tung một đồng xu 27 lần liên tiếp, có 3 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S bằng $\frac{5}{9}$.**d)** Nếu gieo một xúc xắc 25 lần liên tiếp, có 5 lần xuất hiện mặt 5 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 5 chấm bằng $\frac{5}{21}$.**Câu 14:** Cho hình vẽ bên:**a)** Điểm A thuộc đường thẳng d

b) Điểm B không thuộc đường thẳng d

c) Điểm B thuộc đường thẳng d

d) Điểm A thuộc đường thẳng d , điểm B không thuộc đường thẳng d

III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (2 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15: Gieo con súc sắc có 6 mặt 100 lần, kết quả thu được ghi ở bảng sau

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần xuất hiện	17	18	15	14	16	20

Xác suất của thực nghiệm của các sự kiện gieo được mặt có 3 chấm là

Câu 16: Tung hai đồng xu cân đối 50 lần ta được kết quả như sau:

Sự kiện	Hai đồng sấp	Một đồng sấp, một đồng ngửa	Hai đồng ngửa
Số lần	20	20	10

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Hai đồng xu đều ngửa” là

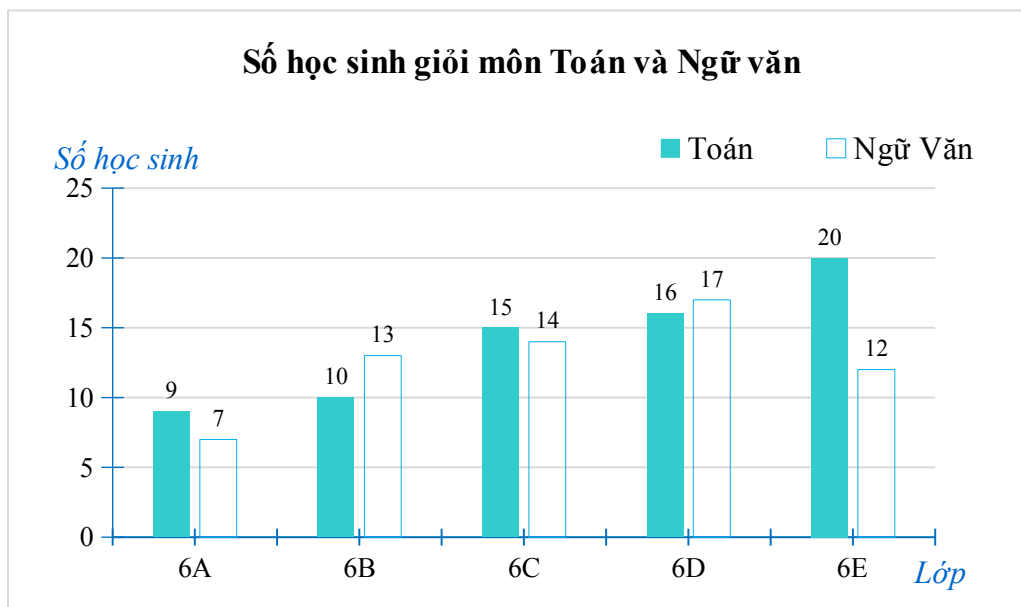
Câu 17: Nhân cả tử và mẫu của phân số $\frac{-3}{7}$ với số nào để được phân số $\frac{30}{-70}$

Câu 18: Tìm số nguyên x thỏa mãn : $\frac{5}{-7} < \frac{x}{7} < \frac{-3}{7}$.

B. Tự luận (3 điểm). Thí sinh làm bài từ câu 13 đến câu 15.

Câu 19: (1,0đ)

Biểu đồ dưới đây biểu diễn số học sinh giỏi hai môn Toán và Ngữ văn của các lớp 6A, 6B, 6C, 6D và 6E.



a) Số học sinh giỏi môn Toán của lớp nào nhiều nhất? Ít nhất?

b) Lớp nào có nhiều học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán?

Câu 20: (1,0đ)

Mai gieo con xúc xắc 80 lần và ghi lại số chấm xuất hiện ở mỗi lần gieo được kết quả như sau:

Số chấm xuất hiện	1	2	3	4	5	6
Số lần	12	15	14	18	10	11

Tính xác suất thực nghiệm:

a) xuất hiện số chấm là 5.

b) xuất hiện số chấm là số chẵn.

Câu 21: (1,0đ)

a/ Tìm số nguyên x, biết $\frac{x}{-2} = \frac{-1}{2}$

b/ Tính: $\frac{3}{-5} + \frac{-1}{2}$

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn. (Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	B	A	D	C	B	A	D	C	B	A

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (Mỗi ý điền đúng được 0,25 điểm)

Câu 13.

a	b	c	d
S	Đ	S	S

Câu 14.

a	b	c	d
S	S	Đ	S

III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Câu 15: 3/20

Câu 16: 1/5

Câu 17: -10

Câu 18: -4

B. Tự luận

Câu	Nội dung đáp án	Điểm
19	a) Số học sinh giỏi môn Toán của lớp 6E nhiều nhất và của lớp 6A ít nhất.	0.5
	b) Các lớp có số học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán là 6B, 6D.	

	Lớp 6B có số học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán là: $13 - 10 = 3$ (học sinh). Lớp 6D có số học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán là: $17 - 16 = 1$ (học sinh). Vậy lớp 6B có nhiều học sinh giỏi môn Ngữ Văn hơn môn Toán.	0.25 0.25
20	a) Xác suất thực nghiệm xuất hiện số chấm là 5 là: $\frac{10}{80} = \frac{1}{8}$.	0.5
	b) Các số chấm là số chẵn là $2; 4; 6$.	0.25
	Xác suất thực nghiệm xuất hiện số chấm là số chẵn là: $\frac{15 + 18 + 11}{80} = \frac{44}{80} = \frac{11}{20}$.	0.25
21	a) $\frac{x}{-2} = \frac{-1}{2}$ $\frac{-x}{2} = \frac{-1}{2}$ $-x = -1$ $x = 1$	0.25 0.25
	b) $\frac{3}{-5} + \frac{-1}{2}$ $= \frac{-3}{5} + \frac{-1}{2}$ $= \frac{-6}{10} + \frac{-5}{10}$ $= \frac{-11}{10}$	0.25 0.25

ĐỀ 8

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: TOÁN 6

Phần 1: Trắc nghiệm (3 điểm)

Em hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng và ghi vào bài làm.

Câu 1. Trong các số sau, số nào không là phân số?

A. $\frac{32}{-15}$

B. $\frac{0}{-35}$

C. $\frac{-14}{0}$

D. $\frac{-78}{-134}$

uigeli.xyz

$$\frac{-5}{14} \cdot \dots \frac{-7}{20}$$

Câu 2. Điền kí hiệu thích hợp vào chỗ trống

A. > B. < C. =

D. Cả 3 đáp án đều sai.

Câu 3. Trong các số sau đây, số nào được viết dưới dạng phân số?

A. $\frac{1}{-2}$

B. $2\frac{1}{3}$

C. $\frac{5}{3,4}$

D. $\frac{-5}{0}$

Câu 4. $\frac{1}{2}$ của 500 là:

A. 2500

B. 1000

C. 25

D. 250

Câu 5. Phân số $\frac{-1}{3}$ bằng phân số nào sau đây?

A. $\frac{-3}{6}$

B. $\frac{-3}{-9}$

C. $\frac{-3}{9}$

D. $\frac{6}{-9}$

Câu 6. $\frac{2}{3}$ số học sinh lớp 6A là 30 học sinh. Số học sinh của lớp 6A là:

A. 35

B. 45

C. 40

D. 50

Câu 7. Chọn câu sai:

A. $\frac{-1}{8} > 0$

B. $\frac{3}{-5} < 0$

C. $\frac{5}{7} > 0$

D. $\frac{-9}{-4} > 0$

Câu 8. Tìm x biết: $\frac{x}{9} = \frac{-35}{105}$

A. x = 3

B. x = 27

C. x = -27

D. x = -3

Câu 9. Hình nào có nhiều hơn 2 trục đối xứng?

A. Hình thoi.

B. Hình chữ nhật.

C. Hình tròn.

D. Hình bình hành

Câu 10. Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?

A. Hình tam giác

B. Hình bình hành

C. Hình thang cân

D. Hình ngũ giác đều

Câu 11. Trong các chữ cái sau, chữ cái nào không có trục đối xứng?

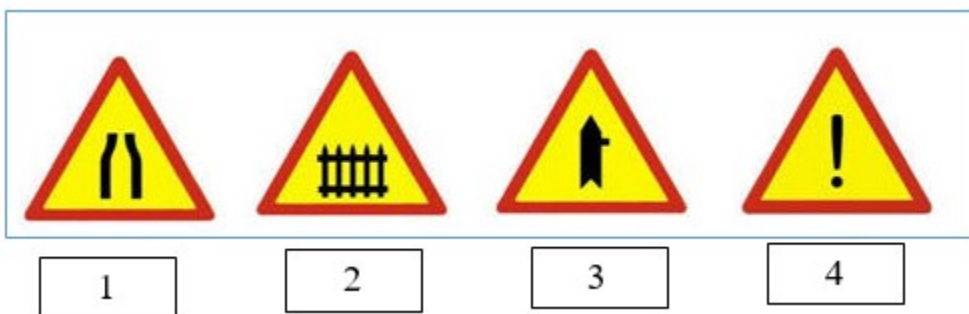
A. P

B. U

C. E

D. T

Câu 12. Trong các biển báo dưới đây, biển báo nào có trục đối xứng?



A. 1, 2, 3

B. 2, 3, 4

C. 1, 3, 4

D. 1, 2, 4.

Phần 2: Tự luận (7 điểm)

Bài 1: (1 điểm) Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dần $\frac{5}{12}; 0; \frac{-7}{12}; \frac{1}{12}; \frac{-8}{12}$

Bài 2: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính.

a) $\frac{8}{15} - \frac{-7}{30} + \frac{9}{20}$

b) $\frac{2}{7} \cdot \left(\frac{-7}{2}\right)^2 - \left(\frac{7}{8} + \frac{3}{4}\right) : \frac{3}{4}$

Bài 3: (1,5 điểm) Tìm x, biết:

a) $\frac{4}{5}x + \frac{8}{25} = \frac{-13}{10}$

b) $\left(\frac{14}{25} : x + \frac{13}{12}\right) - \frac{7}{15} = \frac{-11}{20}$

Bài 4: (0,5 điểm) Tấm vải dài 50m. Lần đầu người ta

cắt đi $\frac{2}{5}$ tấm vải. Số vải lần đầu cắt bằng $\frac{4}{3}$ số vải cắt lần thứ hai. Hỏi lần thứ hai đã cắt bao nhiêu mét vải?

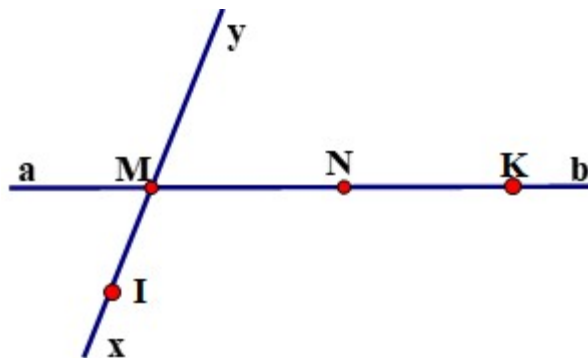
Bài 5: (1 điểm) Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi:

a) Kể tên 1 bộ ba điểm thẳng hàng và 1 bộ ba điểm không thẳng hàng.

b) Kể tên các tia chung gốc với tia Ix.

Bài 6: (1 điểm) Vẽ hình theo cách diễn đạt sau:

- Vẽ đường thẳng d.
- Vẽ $A \in d, B \notin d$.
- Vẽ tia AB.



Bài 7: (0,5 điểm) Bác An đã bán 100 quả trứng trong 3 ngày. Số quả trứng bán ngày thứ nhất bằng $\frac{5}{3}$ số quả trứng bán ngày thứ hai. Số trứng bán ngày thứ ba bằng $\frac{2}{5}$ số trứng bán ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ ba bác An bán được bao nhiêu tiền? Biết giá một quả trứng vào ngày thứ nhất là 6000 đồng và mỗi ngày sau đó giá mỗi quả trứng bị giảm 500 đồng.

---HẾT---

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần 1: Mỗi câu đúng: 0,25đ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	B	A	D	C	B	A	D	C	B	A	D

Phần 2: 7 điểm

Bài 1: (1 điểm) Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dầnzzzzz	Điểm 1 điểm
--	------------------------------

$$\frac{5}{12}; 0; \frac{-7}{12}; \frac{1}{12}; \frac{-8}{12}$$

$$- > \frac{-8}{12}; \frac{-7}{12}; 0; \frac{1}{12}; \frac{5}{12}$$

Bài 2: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính.

$$a) \frac{8}{15} - \frac{-7}{30} + \frac{9}{20}$$

0,25đ

$$= \frac{23}{30} + \frac{9}{20}$$

0,25đ

$$= \frac{73}{60}$$

$$b) \frac{2}{7} \cdot \left(\frac{-7}{2} \right)^2 - \left(\frac{7}{8} + \frac{3}{4} \right) : \frac{3}{4}$$

0,25đ+0,25đ

$$= \frac{2}{7} \cdot \frac{49}{4} - \frac{13}{8} \cdot \frac{4}{3}$$

0,25đ

$$= \frac{7}{2} - \frac{13}{6}$$

0,25đ

$$= \frac{4}{3}$$

Bài 3: (1,5 điểm) Tìm x, biết.

$$a) \frac{4}{5}x + \frac{8}{25} = \frac{-13}{10}$$

0,5đ

$$\frac{4}{5}x = \frac{-13}{10} - \frac{8}{25} = \frac{-81}{50}$$

0,25đ

$$x = \frac{-81}{50} : \frac{4}{5} = \frac{-81}{40}$$

$$b) \left(\frac{14}{25} : x + \frac{13}{12} \right) - \frac{7}{15} = \frac{-11}{20}$$

$$\left(\frac{14}{25} : x + \frac{13}{12} \right) = \frac{-11}{20} + \frac{7}{15} = \frac{-1}{12}$$

$$\frac{14}{25} : x = \frac{-1}{12} - \frac{13}{12} = \frac{-7}{6}$$

$$x = \frac{14}{25} : \frac{-7}{6} = \frac{-12}{25}$$

0,25đ

Bài 4: (0,5 điểm)

Số m vải cắt lần đầu là: $50 \cdot \frac{2}{5} = 20$ (m)

0,25đ

Số m vải cắt lần 2 là: $20 : \frac{4}{3} = 15$ (m)

0,25đ

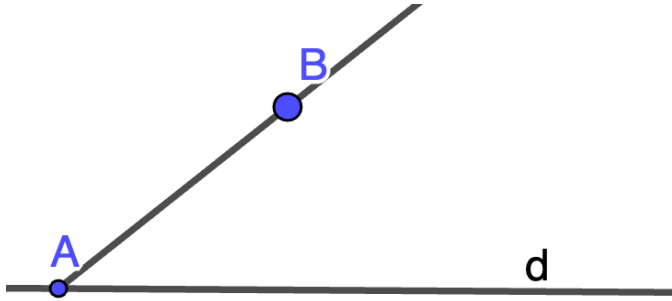
Bài 5: (1 điểm)

a) 1 bộ ba điểm thẳng hàng: M, N, K

1 bộ ba điểm không thẳng hàng: M, N, I

b) Các tia chung gốc với tia Ix là: tia IM, tia Iy

Bài 6: (1 điểm)



Bài 7: (0,5 điểm)

- Số quả trứng của bán được ngày thứ 3 là 20 (quả)

- Số tiền bán trứng ngày ba: $20 \cdot (6000 - 500 - 500) = 100000$ (đồng)

0,25đ

0,25đ

0,25đ

0,25đ

Mỗi tia 0,25đ

Mỗi điểm đạt
0,25đ

0,25đ

0,25 điểm

ĐỀ 9

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: TOÁN 6

Phần 1: Trắc nghiệm (3 điểm)

Em hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng và ghi vào bài làm.

Câu 1. Trong các số sau, số nào không là phân số?

A. $\frac{32}{-15}$

B. $\frac{0}{-35}$

C. $\frac{-14}{0}$

D. $\frac{-78}{-134}$

Câu 2. Điền kí hiệu thích hợp vào chỗ trống $\frac{-5}{14} \dots \frac{-7}{20}$

A. $>$

B. $<$

C. $=$

D. Cả 3 đáp án đều sai.

Câu 3. Trong các số sau đây, số nào được viết dưới dạng phân số?

A. $\frac{1}{-2}$

B. $2\frac{1}{3}$

C. $\frac{5}{3,4}$

D. $\frac{-5}{0}$

Câu 4. $\frac{1}{2}$ của 500 là:

- A. 2500 B. 1000 C. 25 D. 250

Câu 5. Phân số $\frac{-1}{3}$ bằng phân số nào sau đây?

- A. $\frac{-3}{6}$ B. $\frac{-3}{-9}$ C. $\frac{-3}{9}$ D. $\frac{6}{-9}$

Câu 6. $\frac{2}{3}$ số học sinh lớp 6A là 30 học sinh. Số học sinh của lớp 6A là:

- A. 35 B. 45 C. 40 D. 50

Câu 7. Chọn câu sai:

- A. $\frac{-1}{8} > 0$ B. $\frac{3}{-5} < 0$ C. $\frac{5}{7} > 0$ D. $\frac{-9}{-4} > 0$

Câu 8. Tìm x biết: $\frac{x}{9} = \frac{-35}{105}$

- A. x = 3 B. x = 27 C. x = -27 D. x = -3

Câu 9. Hình nào có nhiều hơn 2 trục đối xứng?

- A. Hình thoi. B. Hình chữ nhật. C. Hình tròn. D. Hình bình hành

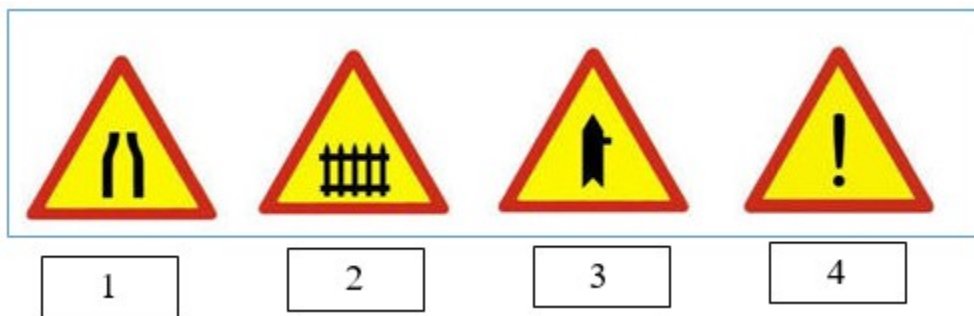
Câu 10. Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?

- A. Hình tam giác B. Hình bình hành C. Hình thang cân D. Hình ngũ giác đều

Câu 11. Trong các chữ cái sau, chữ cái nào không có trục đối xứng?

- A. P B. U C. E D. T

Câu 12. Trong các biển báo dưới đây, biển báo nào có trục đối xứng?



- A. 1, 2, 3 B. 2, 3, 4 C. 1, 3, 4 D. 1, 2, 4.

Phần 2: Tự luận (7 điểm)

Bài 1: (1 điểm) Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dần $\frac{5}{12}; 0; \frac{-7}{12}; \frac{1}{12}; \frac{-8}{12}$

Bài 2: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính.

$$a) \frac{8}{15} - \frac{-7}{30} + \frac{9}{20}$$

$$b) \frac{2}{7} \cdot \left(\frac{-7}{2} \right)^2 - \left(\frac{7}{8} + \frac{3}{4} \right) : \frac{3}{4}$$

Bài 3: (1,5 điểm) Tìm x, biết:

$$a) \frac{4}{5}x + \frac{8}{25} = \frac{-13}{10}$$

$$b) \left(\frac{14}{25} : x + \frac{13}{12} \right) - \frac{7}{15} = \frac{-11}{20}$$

Bài 4: (0,5 điểm) Tấm vải dài 50m. Lần đầu người ta cắt đi $\frac{2}{5}$ tấm vải. Số vải lần đầu cắt bằng $\frac{4}{3}$ số vải cắt lần thứ hai. Hỏi lần thứ hai đã cắt bao nhiêu mét vải?

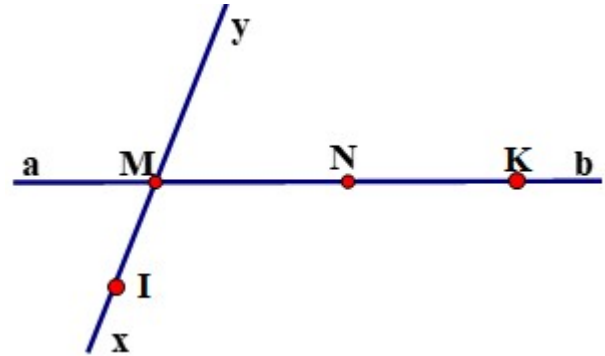
Bài 5: (1 điểm) Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi:

a) Kể tên 1 bộ ba điểm thẳng hàng và 1 bộ ba điểm không thẳng hàng.

b) Kể tên các tia chung gốc với tia Ix.

Bài 6: (1 điểm) Vẽ hình theo cách diễn đạt sau:

- Vẽ đường thẳng d.
- Vẽ $A \in d$, $B \notin d$.
- Vẽ tia AB.



Bài 7: (0,5 điểm) Bác An đã bán 100 quả trứng trong 3 ngày. Số quả trứng bán ngày thứ nhất bằng $\frac{5}{3}$ số quả trứng bán ngày thứ hai. Số trứng bán ngày thứ ba bằng $\frac{2}{5}$ số trứng bán ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ ba bác An bán được bao nhiêu tiền? Biết giá một quả trứng vào ngày thứ nhất là 6000 đồng và mỗi ngày sau đó giá mỗi quả trứng bị giảm 500 đồng.

---HẾT---

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần 1: Mỗi câu đúng: 0,25đ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	B	A	D	C	B	A	D	C	B	A	D

Phần 2: 7 điểm

Bài 1: (1 điểm) Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự tăng dầnzzzzz	Điểm 1 điểm
--	------------------------

$$\frac{5}{12}; 0; \frac{-7}{12}; \frac{1}{12}; \frac{-8}{12}$$

$$- > \frac{-8}{12}; \frac{-7}{12}; 0; \frac{1}{12}; \frac{5}{12}$$

Bài 2: (1,5 điểm) Thực hiện phép tính.

$$a) \frac{8}{15} - \frac{-7}{30} + \frac{9}{20}$$

$$= \frac{23}{30} + \frac{9}{20}$$

$$= \frac{73}{60}$$

$$b) \frac{2}{7} \cdot \left(\frac{-7}{2} \right)^2 - \left(\frac{7}{8} + \frac{3}{4} \right) : \frac{3}{4}$$

$$= \frac{2}{7} \cdot \frac{49}{4} - \frac{13}{8} \cdot \frac{4}{3}$$

$$= \frac{7}{2} - \frac{13}{6}$$

$$= \frac{4}{3}$$

Bài 3: (1,5 điểm) Tìm x, biết.

$$a) \frac{4}{5}x + \frac{8}{25} = \frac{-13}{10}$$

$$\frac{4}{5}x = \frac{-13}{10} - \frac{8}{25} = \frac{-81}{50}$$

$$x = \frac{-81}{50} : \frac{4}{5} = \frac{-81}{40}$$

$$b) \left(\frac{14}{25} : x + \frac{13}{12} \right) - \frac{7}{15} = \frac{-11}{20}$$

$$\left(\frac{14}{25} : x + \frac{13}{12} \right) = \frac{-11}{20} + \frac{7}{15} = \frac{-1}{12}$$

$$\frac{14}{25} : x = \frac{-1}{12} - \frac{13}{12} = \frac{-7}{6}$$

$$x = \frac{14}{25} : \frac{-7}{6} = \frac{-12}{25}$$

Bài 4: (0,5 điểm)

Số m vải cắt lần đầu là: $50 \cdot \frac{2}{5} = 20$ (m)

Số m vải cắt lần 2 là: $20 : \frac{4}{3} = 15$ (m)

Bài 5: (1 điểm)

0,25đ

0,25đ

0,25đ+0,25đ

0,25đ

0,25đ

0,5đ

0,25đ

0,25đ

0,25đ

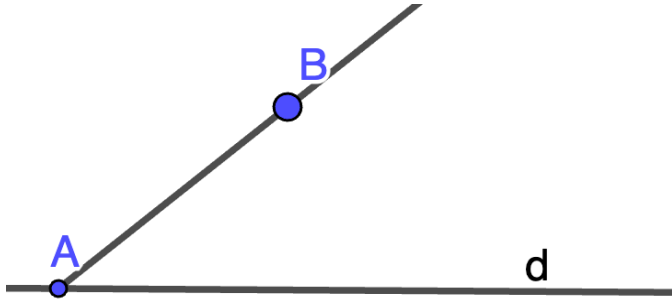
0,25đ

a) 1 bộ ba điểm thẳng hàng: M, N, K

1 bộ ba điểm không thẳng hàng: M, N, I

b) Các tia chung gốc với tia Ix là: tia IM, tia Iy

Bài 6: (1 điểm)



Bài 7: (0,5 điểm)

- Số quả trứng của bán được ngày thứ 3 là 20 (quả)

- Số tiền bán trứng ngày ba: $20 \cdot (6000 - 500 - 500) = 100000$ (đồng)

0,25đ

0,25đ

0,25đ

0,25đ

Mỗi tia 0,25đ

Mỗi điểm đạt

0,25đ

0,25đ

0,25 điểm

ĐỀ 10

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II

NĂM HỌC 2025-2026

MÔN: TOÁN 6

I. Trắc nghiệm

Chọn đáp án đúng

Câu 1. Trong các phát biểu sau dữ liệu nào không phải là số liệu?

A. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).

B. Chiều cao trung bình của học sinh lớp 6 (đơn vị tính là mét)

C. Số học sinh yêu thích bộ môn toán.

D. Nơi sinh của mỗi học sinh trong một lớp.

Câu 2: Điểm kiểm tra môn Toán của một nhóm học sinh được ghi lại theo bảng sau

Điểm	5	6	8	9
Số học sinh	2	4	3	2

Nhóm này có bao nhiêu học sinh?

A. 28.

B. 11.

C. 10 .

D. Một số khác.

Câu 3: Để thu được dữ liệu về nhiệt độ sôi của một số chất lỏng, ta có thể sử dụng phương pháp thu thập nào?

- A. Tìm kiếm trên Internet.
- B. Thực hành thí nghiệm.
- C. Cả A và B đều sai.
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 4: Thu thập số liệu về hứng thú học tập các bộ môn được kết quả như sau

Toán	Văn	KHTN	Sử, Địa	Tin	GDCD	Ngoại ngữ	CN	TD	Nhạc	Họa	HT trải nghiệm
50%	30%	45%	30%	30%	40%	60%	30%	70%	20%	10%	100%

Học sinh yêu thích môn học nào nhất?

- A. Môn toán.
- B. Môn HT trải nghiệm.
- C. Môn TD.
- D. Môn ngoại ngữ.

Câu 5: Cho bảng số liệu thống kê sau

Loại nước uống	Nước cam	Nước dừa	Nước chanh	Nước dừa hấu
Số người chọn	12	8	11	8

Loại nước uống nào được chọn nhiều nhất?

- A. Nước cam.
- B. Nước dừa.
- C. Nước chanh.
- D. Nước dừa hấu.

Câu 6: Biểu đồ tranh sau đây biểu diễn số lượng học sinh lớp 6A sử dụng các phương tiện khác nhau để đến trường

Đi bộ	  
Xe đạp điện	   
Xe đạp	     
Phương tiện khác	   

(Mỗi  ứng với 3 học sinh)

Từ biểu đồ trên, em hãy cho biết: có bao nhiêu học sinh đến trường bằng xe đạp?

A. 18 .

B. 6 .

C. 2 .

D. 12 .

Câu 7: Kết quả kiểm tra môn Toán của học sinh lớp 6A được cho trong bảng sau

Điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số HS	0	0	2	1	8	8	9	5	6	1

Số học sinh đạt điểm từ 5 điểm trở lên là

A. 37 .

B. 45 .

C. 29 .

D. 3 .

Câu 8 : Kết quả kiểm tra môn Toán của lớp 6B được liệt kê như sau

9	8	10	6	6	4	3	7	9	6
5	5	8	8	7	7	5	7	8	6
7	7	9	5	6	8	5	5	9	9
6	7	5	7	6	6	3	5	7	9

Số bạn đạt điểm 7 là

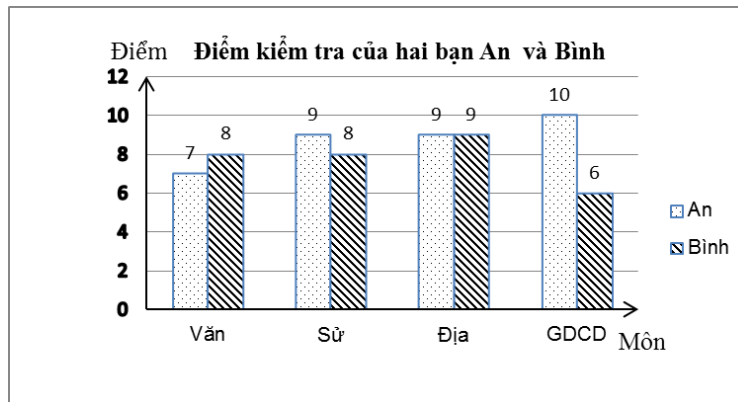
A. 6 .

B. 7 .

C. 8 .

D. 9 .

Câu 9: Kết quả kiểm tra giữa học kỳ I một số môn học của hai bạn An và Bình được biểu diễn trong biểu đồ cột kép ở hình sau



Điểm kiểm tra cao nhất học kỳ I của bạn An thuộc về môn

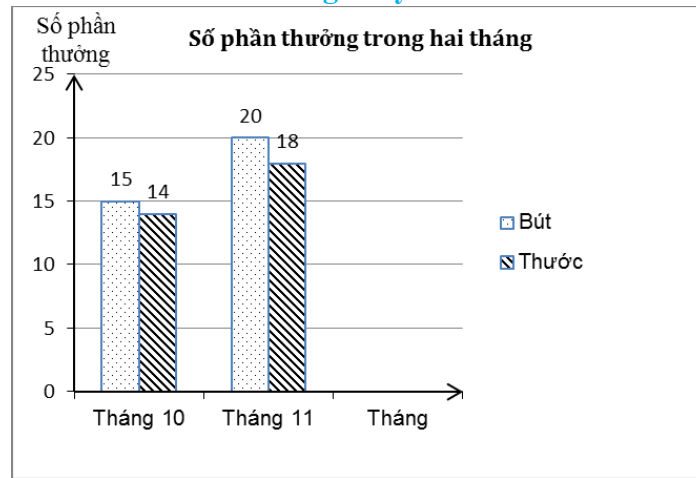
A. Ngữ văn

B. Lịch sử

C. Địa lý

D. GD&ĐC

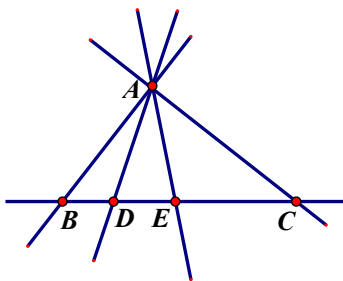
Câu 10: Thực hiện phong trào thi đua chào mừng ngày Nhà Giáo Việt Nam 20 /11 của lớp 6A, các bạn tổ 1 đã nỗ lực thi đua và giành được rất nhiều phần thưởng được thống kê trong biểu đồ sau



Hỏi trong tháng 11 tổ 1 được thưởng nhiều hơn so với tháng 10 bao nhiêu bút?

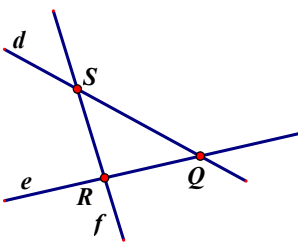
- A. 5 B. 20 C. 15 D. 35

Câu 11: Có bao nhiêu đường thẳng trong hình vẽ sau?



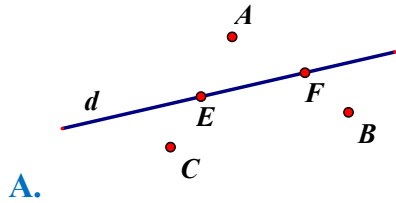
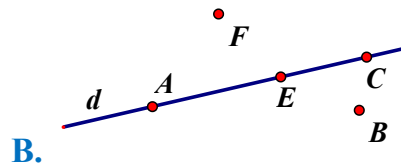
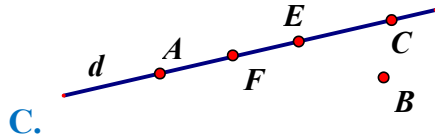
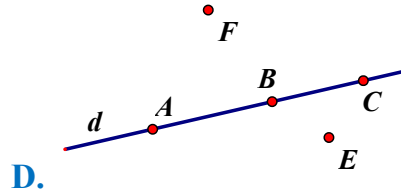
- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 12: Đường thẳng f không chứa điểm nào?

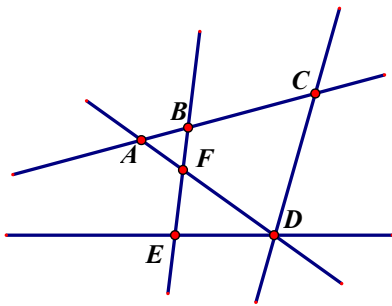


- A. Q B. R C. S D. Q, R, S

Câu 13: Hình vẽ nào dưới đây thể hiện đúng theo cách diễn đạt “Đường thẳng d đi qua các điểm A , B , C nhưng không đi qua các điểm E , F ”.



Câu 14: Trong hình vẽ bên số bộ ba điểm thẳng hàng là



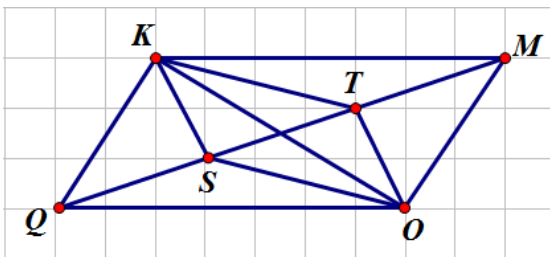
A. ⁵ bộ.

B. ⁴ bộ.

C. ³ bộ.

D. ¹ bộ.

Câu 15. Cho hình vẽ bên. Có bao nhiêu cặp đường thẳng song song?



A. ⁴.

B. ³.

C. ⁵.

D. ⁶.

II. Tự luận: (7,0 điểm)

Bài 1 (2,0 điểm): Kết quả kiểm tra môn Toán của lớp 6A được liệt kê như sau

9	8	10	6	6	4	3	7	9	6
5	5	8	8	7	7	5	7	8	6
7	7	9	5	6	8	5	5	9	9
6	7	5	7	6	6	3	5	7	9

a) Lập bảng số liệu theo mẫu sau

Điểm								
Số HS								

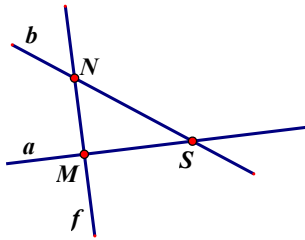
- b) Có bao nhiêu học sinh đạt điểm giỏi từ 8 trở lên
c) Tính điểm trung bình kiểm tra môn toán của lớp 6A

Bài 2 (2 điểm) : Một hộp bút màu có các màu: màu xanh, màu vàng, màu nâu, màu tím, màu hồng, màu cam. Lấy ngẫu nhiên một chiếc bút trong hộp

- a) Nêu những kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc bút được lấy ra
b) Nêu hai điều cần chú ý trong mô hình xác suất của trò chơi trên

Bài 3(2 điểm) :

- a) Cho hình vẽ sau :



Đường thẳng a đi qua những điểm nào ?

Điểm nào thuộc đường thẳng a,b nhưng không thuộc đường thẳng f

- b) Vẽ hình theo diễn đạt sau :

Đường thẳng d đi qua các điểm E; A; C sao cho điểm A;C nằm khác phía đối với điểm E. Điểm F; B không thuộc đường thẳng AC

Bài 4 (1 điểm) Cho 20 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm kẻ một đường thẳng. Số đường thẳng được tạo thành là ?

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

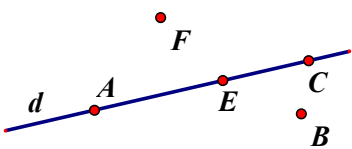
I. Trắc nghiệm: (3,0 điểm)

Mỗi câu đúng cho 0,2 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	B	D	B	A	A	A	D	D	A

11	12	13	14	15
D	A	D	C	A

II. Tự luận: (7,0 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm																		
Bài 1. (2,0điểm)	a) <table border="1"><tr><td>Điểm</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td></tr><tr><td>Số HS</td><td>2</td><td>1</td><td>8</td><td>8</td><td>9</td><td>5</td><td>6</td><td>1</td></tr></table>	Điểm	3	4	5	6	7	8	9	10	Số HS	2	1	8	8	9	5	6	1	0,5
	Điểm	3	4	5	6	7	8	9	10											
	Số HS	2	1	8	8	9	5	6	1											
	b)Có 12 HS đạt điểm ktra môn Toán loại giỏi từ 8 trở lên	0.5																		
C) Điểm trung bình kiểm tra môn toán của lớp 6A : $(6+4+10+18+63+10+54+10) : 40 = 6,625$	1.0																			
Bài 2. (2,0điểm)	a) Có 6 kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc bút được lấy ra là : kết quả 1 : bút màu xanh. Kết quả 2 : bút màu vàng. Kết quả 3 : bút màu nâu. Kết quả 4: bút màu tím. Kết quả 5: bút màu hồng. Kết quả 6: bút màu cam	1.0																		
	b) Chú ý :	0.5																		
	- Lấy ngẫu nhiên một chiếc bút	0.5																		
	- Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với màu của chiếc bút được lấy ra là $\{X,V; N;T;H;C\}$																			
Bài 3. (2,0điểm)	a) Đường thẳng a đi qua những điểm M; S	0,5																		
	Điểm S thuộc đường thẳng a,b nhưng không thuộc đườngthẳng f	0,5																		
																				
	b)	1																		
Bài 4 (1 điểm)	Qua ^{20} điểm trong đó không có ^{3} điểm nào thẳng hàng thì số đường thẳng được tạo thành là $^{20.19:2=190}$ đường thẳng.	1																		